

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023
của Cục Quản lý thị trường tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo số 141/TB-TCQLTT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Cục Quản lý thị trường Vĩnh Long (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Lãnh đạo Cục, các phòng chuyên môn, các Đội Quản lý thị trường và toàn thể công chức, người lao động thuộc Cục Quản lý thị trường Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Cm*

- Như điều 3;
- Tổng cục QLTT (b/c)
- Lưu: VT, TCHC.



CỤC TRƯỞNG

Lê Thanh Phong

Đơn vị: CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH VĨNH LONG

Chương: 016

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-QLTTVL ngày 28 tháng 06 năm 2024)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu Quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ Lương	Mua sắm, sửa chữa....	Trích lập các quỹ
A	Quyết toán thu					
I	Tổng số thu	2.356.627.500	2.356.627.500			
	Số thu ngân sách	2.356.627.500	2.356.627.500			
1	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính	2.224.517.500	2.224.517.500			
	+ Thu xử phạt vi phạm hành chính (thu theo thẩm quyền ý kiến Tổng cục)	320.167.000	320.167.000			
	+ Thu xử phạt vi phạm hành chính (thu theo thẩm quyền ý kiến UBND)	1.904.350.500	1.904.350.500			
2	Thu bán hàng tịch thu	85.510.000	85.510.000			
	+ Thu bán hàng tịch thu (theo thẩm quyền cho ý kiến của Tổng cục)	85.510.000	85.510.000			
	+ Thu bán hàng tịch thu (theo thẩm quyền cho ý kiến của UBND)	-	-			
3	+ Thu thanh lý tài sản công	46.600.000	46.600.000			
II	Số chi phí vụ việc					
III	Số thu nộp ngân sách	2.356.627.500	2.356.627.500			
1	Nộp ngân sách tỉnh	1.471.403.500	1.471.403.500			
2	Nộp ngân sách trung ương	885.224.000	885.224.000			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	13.146.797.733	13.146.797.733			
	Chi Quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.080.754.467	9.080.754.467	6.661.939.906		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.066.043.266	4.066.043.266			
	Kinh phí mua sắm tài sản cố định (Chi phí tư vấn lập HSYC, HSDX, tư vấn thẩm định KQLCNT của gói thầu mua sắm máy móc thiết bị chuyên dùng)	3.840.000	3.840.000			
	Kinh phí bảo trì sửa chữa cơ sở vật chất (Sửa chữa trụ sở Đội QLTT số 1 và Đội QLTT số 3)	1.907.491.996	1.907.491.996			
	Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính	1.491.000.000	1.491.000.000			
	Thuê trụ sở làm việc của Cục và Đội 4 và thuê kho hàng Đội 1	663.711.270	663.711.270			
	Trong đó					
	+ Thuế trụ sở làm việc cục QLTT và Đội QLTT số 4	496.584.000	496.584.000			
	+ Chi thuê kho chứa hàng hóa và sạt hàng hóa Đội QLTT số 1	72.000.000	72.000.000			
	+ Chi thuê kho chứa hàng hóa vi phạm của Văn phòng Cục	95.127.270	95.127.270			